



**USAID**  
FROM THE AMERICAN PEOPLE

OMB Control No: 0412-0520; Expiration Date: 3/31/2021

This form will help us draft a fully compliant document suitable for signing later by you and the project director should you be chosen for this assignment. / Mẫu này nhằm mục đích phục vụ một văn bản tuân thủ đầy đủ của việc ký giữa ứng viên và Giám đốc dự án nếu ứng viên được chọn cho một hoạt động cụ thể

## CONTRACTOR EMPLOYEE BIOGRAPHICAL DATA SHEET

### BẢNG THÔNG TIN TIỂU SỬ NHÂN VIÊN CỦA NHÀ THẦU

The Privacy Act Statement is found at the end of this form.

Tuyên bố của Luật Quyền riêng tư được trình bày ở cuối mẫu này

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1. Name (Last, First, Middle)/ Tên (Họ, Tên, Đệm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                    |                             |              | 2. Contractor's Name/ Tên của Nhà thầu<br>IESC                                                                                          |                                            |                                                                           |
| 3. Employee's Address (include ZIP code)<br>Địa chỉ của nhân viên (bao gồm mã ZIP)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                    |                             |              | 4. Contract Number<br>Số Hợp đồng<br>72044018C00002                                                                                     |                                            | 5. Position Under Contract<br>Vị trí theo Hợp đồng<br>National Consultant |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              | 6. Proposed Salary<br>Mức lương Đề xuất<br>N/A (fixed fees to be negotiated on market principle)                                        |                                            | 7. Duration of Assignment<br>Thời gian thực hiện Nhiệm vụ<br>TBD          |
| 8. Telephone Number (include area code)/<br>Số điện thoại (bao gồm mã vùng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                    | 9. Place of Birth/ Nơi sinh |              | 10. Citizenship (If non-U.S. citizen, give visa status)<br>Quốc tịch (nếu không phải công dân Mỹ, ghi rõ tình trạng visa)<br>Vietnamese |                                            |                                                                           |
| 11. Names, Ages, and Relationship of Dependents to Accompany Individual to Country of Assignment<br>Tên, tuổi, mối quan hệ của những người phụ thuộc đi theo đến quốc gia thực hiện nhiệm vụ<br>N/A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
| 12. EDUCATION (include all college or university degrees)<br>HỌC VẤN (bao gồm tất cả bằng đại học hoặc cao đẳng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                    |                             |              | 13. LANGUAGE PROFICIENCY (see Instruction on Page 2)/<br>THÔNG THẠO NGÔN NGỮ (xem hướng dẫn ở Trang 2)                                  |                                            |                                                                           |
| NAME AND LOCATION OF INSTITUTION<br>TÊN VÀ ĐỊA ĐIỂM CỦA TRƯỜNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | MAJOR<br>CHUYÊN<br>NGÀNH                                                                                                           | DEGREE<br>BẰNG<br>CẤP       | DATE<br>NGÀY | LANGUAGE<br>NGÔN NGỮ                                                                                                                    | Proficiency<br>Speaking<br>Khả năng<br>nói | Proficiency<br>Reading<br>Khả năng<br>đọc                                 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
| 14. EMPLOYMENT HISTORY (List last three (3) positions held by the individual)/ LỊCH SỬ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Liệt kê ba (3) vị trí công việc gần nhất đã đảm nhiệm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
| POSITION TITLE<br>CHỨC DANH VỊ TRÍ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | EMPLOYER'S NAME AND ADDRESS<br>POINT OF CONTACT & TELEPHONE #<br>TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CÔNG TY/TỔ CHỨC<br>ĐẦU MỐI LIÊN HỆ & SỐ ĐIỆN THOẠI |                             |              | Dates of Employment (M/D/Y)<br>Thời gian công tác (Tháng/ngày/năm)                                                                      |                                            |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              | From<br>Từ                                                                                                                              | To<br>Đến                                  |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
| 15. SPECIFIC CONSULTANT SERVICES (give last three (3) years). Continue on a separate sheet of paper, if required, to provide this information.<br>DỊCH VỤ TƯ VẤN (liệt kê trong ba (3) năm gần đây). Ghi tiếp ở tờ giấy riêng, nếu cần, để cung cấp thông tin này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
| SERVICES PERFORMED<br>DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | EMPLOYER'S NAME AND ADDRESS<br>POINT OF CONTACT & TELEPHONE #<br>TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CÔNG TY/TỔ CHỨC<br>ĐẦU MỐI LIÊN HỆ & SỐ ĐIỆN THOẠI |                             |              | Dates of Employment (M/D/Y)<br>Thời gian công tác (Tháng/ngày/năm)                                                                      |                                            |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              | From<br>Từ                                                                                                                              | To<br>Đến                                  |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |
| 16. RATIONALE FOR PROPOSED SALARY (Provide the basis for the salary proposed in Block 6 with supporting rationale for the market value of the position. Continue on a separate sheet of paper, if required) Salary definition – basic periodic payment for services rendered. Exclude bonuses, profit-sharing arrangements, commissions, consultant fees, extra or overtime work payments, overseas differential or quarters, cost of living or dependent education allowances.<br>CƠ SỞ ĐƯA RA MỨC LƯƠNG ĐỀ XUẤT (Cung cấp cơ sở cho mức lương được đề xuất trong Mục 6 với cơ sở của giá trị thị trường của vị trí. Ghi tiếp ở một tờ giấy riêng, nếu cần) Định nghĩa tiền lương - khoản thanh toán cơ bản định kỳ cho các dịch vụ được cung cấp. Không bao gồm tiền thưởng, thỏa thuận phân chia lợi nhuận, hoa hồng, phí tư vấn, tiền làm thêm hoặc làm thêm giờ, khoản hỗ trợ khi làm việc ở nước ngoài, chi phí sinh hoạt hoặc phụ cấp giáo dục cho người phụ thuộc) |                                                                                                                                    |                             |              |                                                                                                                                         |                                            |                                                                           |

N/A (for IESC use only)

**17. CERTIFICATION: To the best of my knowledge, the above facts as stated are true and correct.**

**XÁC NHẬN:** Tôi xin xác nhận các thông tin khai ở bên trên là đúng sự thật.

Signature of National Consultant/ Chữ ký của Tư vấn  
To be signed later

Date/Ngày

**18. CONTRACTOR'S CERTIFICATION (To be signed by responsible representative of Contractor)**

**XÁC NHẬN CỦA NHÀ THẦU (Do đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu ký)**

Contractor certifies in submitting this form that it has taken reasonable steps (in accordance with sound business practices) to verify the information in this form. Contractor understands that USAID may rely on the accuracy of such information in negotiating and reimbursing personnel under this contract. Certifications that are false, fictitious, or fraudulent, or that are based on inadequately verified information, may result in appropriate remedial action by USAID, taking into consideration all the pertinent facts and circumstances, ranging from refund claims to criminal prosecution.

Nhà thầu xác nhận khi gửi biểu mẫu này đã thực hiện các bước hợp lý (phù hợp với các thông lệ kinh doanh) để xác minh thông tin trong biểu mẫu này. Nhà thầu hiểu rằng USAID có thể dựa vào tính chính xác của những thông tin này trong quá trình đàm phán và bồi hoàn cho nhân sự theo hợp đồng này. Xác nhận rằng nếu cung cấp thông tin sai, hư cấu hoặc gian lận hoặc dựa trên thông tin chưa được xác minh đầy đủ, có thể dẫn đến tình huống USAID có hành động xử lý, có căn nhắc đến tất cả các sự kiện và thông tin liên quan, từ yêu cầu hoàn lại tiền đến truy cứu hình sự.

Signature of Contractor's Representative/ Chữ ký của Đại diện của Nhà thầu

Date/ Ngày

**INSTRUCTION/ HƯỚNG DẪN**

Indicate your language proficiency in block 13 using the following numeric Interagency Language Roundtable levels (Foreign Service Institute Levels). Also, the following provides brief descriptions of proficiency levels 2, 3, 4, and 5. "S" indicates speaking ability and "R" indicates reading ability. For more in-depth description of the levels refer to ADS 438

Ghi mức độ thông thạo ngôn ngữ của bạn trong Mục 13 bằng cách sử dụng các cấp độ Ngôn ngữ Liên cấp số sau đây (Các cấp độ của Học viện Ngoại giao). Ngoài ra, phần dưới đây cũng đưa ra các mô tả ngắn gọn về mức độ thông thạo 2, 3, 4 và 5. "S" là khả năng nói và "R" là khả năng đọc. Để biết mô tả sâu hơn về các cấp độ, hãy tham khảo ADS 438

**2. Limited working proficiency/ Thông thạo phục vụ công việc nhưng ở mức độ có hạn**

**S** Able to satisfy routine special demands and limited work requirements.

Có khả năng đáp ứng các nhu cầu đặc biệt thường ngày và các yêu cầu công việc ở mức độ có hạn.

**R** Sufficient comprehension to read simple, authentic written material in a form equivalent to usual printing or typescript on familiar subjects within familiar contexts.

Đủ khả năng hiểu để đọc tài liệu viết đơn giản, tài liệu viết của người bản ngữ ở dạng tương đương với bản in thông thường hoặc bản đánh máy về các chủ đề quen thuộc trong bối cảnh quen thuộc.

**3. General professional proficiency/ Thông thạo cấp độ khá**

**S** Able to speak the language with sufficient structural accuracy and vocabulary to participate effectively in most formal and informal conversations on practical, social, and professional topics.

Có thể nói ngôn ngữ với đủ độ chính xác về cấu trúc và từ vựng để tham gia hiệu quả vào hầu hết các cuộc trò chuyện chính thức và thân mật về các chủ đề thực tế, xã hội và chuyên môn.

**R** Able to read within a normal range of speed and with almost complete comprehension of a variety of authentic prose material on unfamiliar subjects.

Có thể đọc với tốc độ bình thường và hiểu gần như hoàn toàn các loại tài liệu về các chủ đề không quen thuộc.

**4. Advanced professional proficiency/ Thông thạo cấp độ nâng cao**

**S** Able to use the language fluently and accurately on all levels normally pertinent to professional needs.

Có khả năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo và chính xác ở tất cả các cấp độ thông thường phù hợp với nhu cầu công việc chuyên môn.

**R** Able to read fluently and accurately all styles and forms of the language pertinent to professional needs.

Có thể đọc trôi chảy và chính xác tất cả các phong cách và hình thức của ngôn ngữ phù hợp với nhu cầu công việc chuyên môn.

**5. Functionally native proficiency/ Thông thạo tương đương người bản ngữ**

**S** Speaking proficiency is functionally equivalent to that of a highly articulate well-educated native speaker and reflects the cultural standards of a country where the language is natively spoken.

Trình độ nói tương đương với chức năng của một người bản ngữ có trình độ học vấn cao và phản ánh các tiêu chuẩn văn hóa của một quốc gia nơi ngôn ngữ được sử dụng là tiếng mẹ đẻ.

**R** Reading proficiency is functionally equivalent to that of the well-educated native reader.

Trình độ đọc tương đương với người đọc bản ngữ có trình độ học vấn cao.

PAPERWORK REDUCTION ACT INFORMATION  
THÔNG TIN VỀ LUẬT GIẢM THỦ TỤC GIẤY TỜ

The information requested by this form is necessary for prudent management and administration of public funds under USAID contracts. The information helps USAID estimate logistic support and allowances, the educational information provides an indication of qualifications, and the proposed salary, along with the basis and rationale for the market value is used to monitor cost and help determine reasonableness of proposed salary.

Thông tin mà biểu mẫu này yêu cầu là cần thiết cho việc quản lý và điều hành thận trọng các quỹ công theo các hợp đồng của USAID. Thông tin giúp USAID ước tính các khoản hỗ trợ và phụ cấp, thông tin về trình độ học vấn sẽ là chỉ báo về trình độ và mức lương đề xuất, cùng với cơ sở giá trị thị trường được sử dụng để giám sát chi phí và giúp xác định tính hợp lý của mức lương đề xuất.

PAPERWORK REDUCTION ACT NOTICE  
THÔNG BÁO LUẬT GIẢM THỦ TỤC GIẤY TỜ

Public reporting burden for this collection of information is estimated to average thirty minutes per response, including the time for reviewing instructions, searching existing data sources, gathering and maintaining the data needed, and completing and reviewing the collection of information. Send comments regarding this burden estimate or any other aspect of this collection of information, including suggestions for reducing this burden, to:

Thu thập thông tin theo biểu mẫu này được ước tính là trung bình ba mươi phút cho mỗi phản hồi, bao gồm thời gian xem các hướng dẫn, tìm kiếm các nguồn dữ liệu hiện có, thu thập và duy trì dữ liệu cần thiết cũng như hoàn thành và rà soát lại thông tin. Hãy gửi ý kiến về ước tính thời gian điền biểu mẫu này hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác của việc thu thập thông tin này, bao gồm cả các đề xuất để giảm gánh nặng cung cấp thông tin, tới:

United States Agency for International Development/ Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ  
Bureau for Management/ Vụ Quản lý  
Office of Acquisition and Assistance/ Phòng Mua sắm và Hỗ trợ  
Policy Division (M/OAA/P)/ Bộ phận Chính sách  
Washington, DC 20523-7100;

And/Và

Office of Management and Budget/ Phòng Quản lý và Ngân sách  
Paperwork Reduction Project (0412-0520)/ Dự án Giảm thủ tục giấy tờ  
Washington, DC 20503

PRIVACY ACT STATEMENT/ TUYÊN BỐ LUẬT QUYỀN RIÊNG TƯ

**Authority:** Foreign Assistance Act, Pub. L. 87-165, as amended; and 48 CFR Ch. 7 - AIDAR,  
**Thẩm quyền:** Luật Hỗ trợ Nước ngoài, Act, Pub. L. 87-165, sửa đổi, và 48 CFR Ch. 7 - AIDAR,

**Purpose:** To collect, use, maintain, and disclose information to determine the qualifications of an individual for a specific contract position and to determine the reasonableness of proposed salary or consultant rate for the services proposed under the contract.

**Mục đích:** Thu thập, sử dụng, duy trì và công bố thông tin để xác định trình độ của một cá nhân cho một vị trí hợp đồng cụ thể và xác định tính hợp lý của mức lương đề xuất hoặc mức lương chuyên gia tư vấn cho các dịch vụ được đề xuất theo hợp đồng.

**Routine Uses:** The personal information is used by USAID to maintain administrative records and to perform other administrative functions inherent in the administration of the contract. This information will be used by USAID Contracting Officers and will not be disclosed outside USAID.

**Tần suất sử dụng thông tin:** Thông tin cá nhân được USAID sử dụng để lưu trữ hồ sơ hành chính và thực hiện các chức năng quản lý khác trong việc quản lý hợp đồng. Thông tin này sẽ được Cán bộ Quản lý hợp đồng của USAID sử dụng và sẽ không được tiết lộ ra bên ngoài USAID.

**Disclosure:** Contractor employees/consultants under USAID cost-reimbursement contracts must submit personal, employment history, and educational data, and the contractor must provide the basis and rationale for the proposed salary as specified in the form. Providing personal information is voluntary. However, failure to provide any of the requested information may delay or prevent approval of the individual proposed under the specific contract.

**Công bố:** Nhân viên của nhà thầu/chuyên gia tư vấn theo các hợp đồng hoàn trả chi phí của USAID phải gửi dữ liệu cá nhân, lịch sử quá trình công tác và học vấn, đồng thời nhà thầu phải cung cấp cơ sở và lý do hợp lý cho mức lương đề xuất như đã nêu trong biểu mẫu. Việc cung cấp thông tin cá nhân là tự nguyện. Tuy nhiên, nếu không cung cấp bất kỳ thông tin nào theo yêu cầu có thể trì hoãn hoặc ngăn cản việc phê duyệt cho cá nhân được đề xuất theo hợp đồng cụ thể.